TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST Ngày: 06-6-2022 V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh An.

Ông Võ Văn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn N, sinh năm 1971 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng N

Trụ sở: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh T – Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T (Theo Văn bản ủy quyền số 2695/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019) (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà L và ông Phan Văn N bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1992, tuy nhiên đến hiện tại ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N thường xuyên chửi bới, đánh đập bà L. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Bà L và ông N có 02 con chung là chị Phan Thị Diễm H, sinh ngày 24/10/1993 và anh Phan Phúc T, sinh ngày 01/4/2001. Hiện tại chị H và anh T đã thành niên nên bà L không yêu cầu giải quyết gì về con chung.

- Về tài sản chung: Bà L yêu cầu chia đôi tài sản chung của ông bà gồm 01 căn nhà được xây dựng trên thửa đất số 794 tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang và 04 con bò. Theo đơn ly hôn bà L yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản và hoàn lại cho ông N ½ giá trị. Tuy nhiên, đến phiên hòa giải ngày 17/5/2022, bà L thay đổi yêu cầu về cách thức phân chia. Theo đó, bà L yêu cầu được nhận căn nhà và giao cho ông N 04 con bò, do giá trị căn nhà cao hơn nên bà L sẽ hoàn lại cho ông N giá trị chênh lệch.

Về nợ chung: Theo đơn ly hôn bà L yêu cầu được chia đôi số nợ 150.000.000 đồng tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải ngày 17/5/2022, bà L xác định đây là nợ riêng của bà, bà sẽ tự chịu trách nhiệm trả nợ, không liên quan đến ông N.

Ngoài ra, bà L không còn yêu cầu gì khác.

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Phan Văn N trình bày:

Ông N và bà L tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1992, tuy nhiên đến nay ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Ông N thừa nhận ông bà có phát sinh mâu thuẫn vào năm 2020. Tuy nhiên, nguyên nhân theo ông N là do bà L thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến ông, ông đã khuyên can nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Ông xác định ông còn tình cảm với bà L nhưng bà L kiên quyết ly hôn nên ông đồng ý theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Ông N thống nhất với bà L về việc ông bà có 02 con chung là chị H và anh T đều đã thành niên, ông N không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Ông bà có tài sản chung gồm 01 căn nhà, 06 con bò nhưng bà L đã bán 02 con chỉ còn lại 04 con gồm 03 con bò mẹ và 01 con bò con, ngoài ra còn có 08 công đất nhỏ. Ông N đồng ý chia đôi căn nhà, giao nhà cho bà L và bà L có nghĩa vụ giao lại ông ½ giá trị. Về 04 con bò thì ông N yêu cầu được nhận 02 con bò mẹ và 01 con bò con, giao cho bà L 01 con bò mẹ. Riêng về quyền sử dụng đất ông N chưa có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật tố tụng.

Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) do ông Trần Thanh T là Giám đốc chi nhánh trình bày:

Ngày 28/5/2021, bà L có vay tiền tại Ngân hàng với số tiền 150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6910LAV202101009, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 11,75%/năm, mục đích vay là chăn nuôi bò. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L thanh toán lãi đầy đủ và đã trả được 1.000.000 đồng nợ gốc, chỉ còn nợ lại 149.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay, bà L đã thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất 794, tờ bản đồ PTC2, diện tích 927m^2, đất tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Nay bà L và ông N làm thủ tục ly hôn và phân chia tài sản, Ngân hàng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án miễn sao việc phân chia tài sản không ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Phương án chia nhà cho bà L là thuận tiện trong việc xử lý nợ và tài sản thế chấp cho Ngân hàng. Nếu sau này phát sinh tranh chấp Ngân hàng sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L giữ nguyên yêu cầu, bị đơn ông N thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà L về việc ly hôn và chia tài sản chung, người đại diện của Ngân hàng có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông N. Ghi nhận sự thỏa thuận của bà L, ông N về tài sản chung. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà L về việc chia nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn N và yêu cầu chia tài sản chung nên đây là "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Văn N có nơi cư trú tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người đại diện của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử

căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông Tùng.

[3] Về hôn nhân: Bà L và ông N cùng thống nhất trình bày ông bà bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1992 cho đến nay nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nội dung này được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận theo Đơn xin xác nhận của bà L vào ngày 11/02/2022. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy bà L và ông N có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tuy nhiên, bà L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N, ông N thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà L. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà L và ông N có 02 con chung là chị Phan Thị Diễm H, sinh ngày 24/10/1993 và anh Phan Phú T, sinh ngày 01/4/2001. Chị H và anh T đã thành niên, cả bà L và ông N đều không có yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà L và ông N đều cùng trình bày thống nhất ông bà có tài sản chung là 01 căn nhà tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang và 04 con bò. Theo kết quả định giá ngày 27/4/2022: Nhà bán kiên cố ký hiệu A2, cột bê tông đúc sẵn, kèo bê tông + gỗ, vách tường, mái phibro xi măng, nền gạch ceramic, không trần, có khu phụ, diện tích 7,6m x 19,1m = 145,16m^2, đơn giá 1.938.000 đồng/m^2, giá trị còn lại 40%, thành tiền 112.528.032 đồng; 03 con bò cái và 01 con bò thịt, tổng cộng 1.212Kg, đơn giá 90.000 đồng/Kg, thành tiền 109.080.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 221.608.032 đồng. Bà L yêu cầu được nhận căn nhà và giao cho ông N 04 con bò, ông N thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà L. Hội đồng xét xử xét thấy để thuận tiện cho quá trình quản lý, sử dụng tài sản, do căn nhà tồn tại trên phần đất thuộc quyền sử dụng của bà L nên việc ông bà thống nhất giao căn nhà cho bà L sở hữu là phù hợp; ngoài ra, tổng giá trị cả 04 con bò chênh lệch không lớn với giá trị căn nhà nên việc giao toàn bộ cả 04 con bò cho ông N là phù hợp nên cần thiết ghi nhận sự thỏa thuận của bà L, ông N về việc phân chia tài sản chung. Theo đó, ½ tổng giá trị tài sản chung là 221.608.032 đồng : 2 = 110.804.016 đồng, bà L nhận tài sản có giá trị 112.608.032 đồng, ông N nhận tài sản có giá trị 109.080.000 đồng, do đó, bà L có nghĩa vụ hoàn lại cho ông N số tiền chênh lệch là 1.724.016 đồng.

Riêng về quyền sử dụng đất ông N trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2022 nhưng ông N, không trình bày rõ thông tin về quyền sử dụng đất, không có đơn yêu cầu chia và chưa nộp tạm ứng án phí theo quy định. Đồng thời, tại phiên tòa ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, trường hợp ông N và bà L phát sinh tranh chấp sẽ được thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ: Bà L thay đổi lời trình bày, đồng thời Ngân hàng là bên có quyền đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp giữa Ngân hàng và bà L phát sinh tranh chấp sẽ được thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngoài ra, bà L và ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản ông bà được chia theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí bà L, ông N mỗi người phải nộp được xác định như sau: 110.804.016 đồng x 5% = 5.540.200 đồng.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phan Văn N.

2. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phan Văn Nhở về việc chia tài sản chung.

2.1. Bà Nguyễn Thị L được quyền sở hữu 01 căn nhà bán kiên cố ký hiệu A2, cột bê tông đúc sẵn, kèo bê tông + gỗ, vách tường, mái phibro xi măng, nền gạch ceramic, không trần, có khu phụ, diện tích 7,6m x 19,1m = 145,16m^2, giá trị còn lại 40%, nhà tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Ông Phan Văn N được quyền sở hữu 04 con bò gồm 03 con bò cái và 01 con bò thịt.

2.3. Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phan Văn N số tiền 1.724.016 đồng.

Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 5.540.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.050.000 đồng theo biên lai thu số 0008129 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên bà L còn phải nộp tiếp số tiền 3.790.200 đồng.

Ông Phan Văn N phải nộp 5.540.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà L, ông N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm